TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 6 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Mau.

2. Bà Cù Thị Như Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà L Thị Mỹ Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ L số 179/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị L, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Công L1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt không có L do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị L trình bày:

Chị Đặng Thị L và anh Bùi Công L1 tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 09/4/2007. Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh L1 thường xuyên phát sinh mâu

thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hai bên cũng đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, chị L và anh L1 đã sống ly thân. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Bùi Công L1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Đặng Thị L và anh Bùi công L1 có 01 con chung là Bùi Đặng Xuân H, sinh ngày 21/01/2008. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Đặng Xuân H.

Về tài sản chung: Chị Đặng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Công L1 đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị L, nhưng anh L1 không có ý kiến gì; anh L1 từ chối nhận toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc anh L1 từ chối nhận các văn bản tố tụng nêu trên để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Công L1 đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ thụ lý giải quyết vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Đặng Thị L thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Bùi Công L1 từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và không tham gia giải quyết, xét xử trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83, 84 của L1 Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị L đối với anh Bùi Công L1.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L được ly hôn với anh Bùi Công L1.

Về con chung: Giao con chung Bùi Đặng Xuân H, sinh ngày 21/01/2008 cho chị Đặng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Thị L không yêu cầu anh Bùi Công L1 cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Đặng Thị L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đặng Thị L

và anh Bùi Công L1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 09/4/2007. Trong quá trình sống chung giữa chị L và anh L1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hiện nay chị L và anh L1 đã sống ly thân. Ngày 09/11/2020, chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh L1, tranh chấp nuôi con với anh L1. Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nơi cư trú của bị đơn anh Bùi công L1 tại tổ dân phố 8, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông, nên Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Bùi Công L1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 09/4/2007 trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định của pháp L1. Quá trình chung sống giữa chị L và anh L1 thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, chị L và anh L1 đã sống ly thân, bỏ mặc nhau, không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị Đặng Thị L và anh Bùi Công L1, chính quyền địa phương cho biết cuộc sống hôn nhân giữa chị Đặng Thị L và anh Bùi Công L1 không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, chị L và anh L1 hiện nay đã sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh L1 có nhiều mâu thuẫn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh L1 theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Đặng Thị L và anh Bùi Công L1 có 01 con chung là Bùi Đặng Xuân H, sinh ngày 21/01/2008. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai cháu Bùi Đặng Xuân H, cháu H có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì xin được ở với mẹ là chị Đặng Thị L. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu H, đối chiếu với quy định tại các điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình, để đảm bảo sự phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần cho cháu H, đồng thời tuân thủ quy định và nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình, ưu tiên bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em. Vì vậy, cần giao con chung Bùi Đặng Xuân H cho chị Đặng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung Bùi Đặng Xuân H đủ 18 tuổi.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con; thay đổi người trực tiếp nuôi con; hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con

chưa thành niên sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Thị L không yêu cầu anh Bùi Công L1 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Việc thực hiện, thay đổi, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thực hiện theo quy định tại các điều 107, 110, 118 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Đặng Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án là có căn cứ, nên cần Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị L đối với bị đơn anh Bùi Công L1.

[5] Về án phí Chị Đặng Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp L1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị L đối với anh Bùi Công L1.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L được ly hôn với anh Bùi Công L1.

Về con chung: Giao con chung Bùi Đặng Xuân H, sinh ngày 21/01/2008 cho chị Đặng Thị L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con; thay đổi người trực tiếp nuôi con; hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đặng Thị L không yêu cầu anh Bùi Công L1 cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

Việc thực hiện, thay đổi, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy

định tại các điều 107, 110, 118 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số 0002454 ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV - TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đăng ký số 37 ngày 09/4/2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký, đóng dấu

Lê Xuân Diệu